



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV #: 120205

VEWL. #: _____

I-171 #: Y NO

EXIT VISA #: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE PHUC DUC
Last Middle First

Current Address: 521/71 HOANG VAN THU, PHUONG 4, TAN BINH, HO CHI MINH, VIET NAM

Date of Birth: 04-13-47 Place of Birth: QUANG NAM, VIET NAM

Previous Occupation (before 1975) FIRST LIEUTENANT
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06-25-75 To 08-20-77
Years: 2 Months: 1 Days: 25

3. SPONSOR'S NAME: LE PHUC HIEN SEPULVEDA, CA. 91343
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>LE PHUC HIEN</u> <u>SEPULVEDA, CA. 91343</u>	<u>BROTHER</u>
<u>LE THI PHUC THINH</u> <u>OKLAHOMA CITY, 73127</u>	<u>SISTER</u>
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Handwritten signature

DATE PREPARED: 04-14-90

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE PHUC DUC
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TRAN THI XUAN	11-26-1950	WIFE
LE THI TUONG VI	10-05-74	DAUGHTER
LE THI TUONG VU	10-05-74	DAUGHTER
LE PHUC KHANH	10-07-78	SON
LE PHUC DAI	07-02-80	SON
LE PHUC HAI	07-02-82	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

NONE

6.. ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # 120205

Date: July 31, 1988
Ngày: July 31, 1988

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

127 Panjabhum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name/Họ, tên : LÊ PHÚC ĐỨC Sex/Phái : MALE
2. Other Names/Họ, tên khác : NONE
3. Date/Place of Birth/Ngày/Nơi Sinh : 13 APRIL 1947 QUANG NAM
4. Residence Address/Địa-chỉ thường-trú : PHU THUC VILLAGE, TAN PHU DISTRICT, DONG NAI PROVINCE, VIETNAM
5. Mailing Address/Địa-chỉ thư-tử : 521/71 HOANG VAN THU STREET/PHUONG 4 TAN DINH DISTRICT/HO CHI MINH CITY. VIETNAM
6. Current Occupation/Nghề-nghiệp hiện tại : GROWING PLANTS

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cũng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đ
1. TRẦN THỊ XUÂN	26 NOV 1950	THUA THIEN	FEM	M	WIFE
2. LÊ THỊ TƯỜNG VỊ	5 OCT 1974	TAN KÝ	FEM	S	DAUGHTER
3. LÊ THỊ TƯỜNG VŨ	5 OCT 1974	TAN KÝ	FEM	S	DAUGHTER
4. LÊ PHÚC KHÁNH	7 OCT 1978	DONG NAI	MALE	S	SON
5. LÊ PHÚC ĐẠI	2 JUL 1980	DONG NAI	MALE	S	SON
6. LÊ PHÚC HẢI	2 JUL 1982	DONG NAI	MALE	S	SON
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I b.

(Chú-y: Cho mỗi người có tên ở trên, tôi cần một bản khai-sinh, gia-thê (nếu lập gia đình rồi), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và ảnh. Nếu bà con cũng đi với bạn họ trong ph

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

LE PHUC HIEN

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

BLOOD BROTHER

c. Address
Địa-chỉ

SEPULVEDA
CA 91343 U.S.A

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ

27 MAY 1982

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

c. Address
Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha

LE CAN (DEAD)

2. Mother
Mẹ

TRAN THI NAM, DOB 1918, (LIVING)

3. Spouse
Vợ/Chồng:

TRAN THI XUAN 26 NOV 1950 (LIVING)

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng trước (nếu có):

NONE

5. Children
Con cái:

(1) LE THI TUONG VI (LIVING)

(2) LE THI TUONG VU (LIVING)

(3) LE PHUC KHANH (LIVING)

(4) LE PHUC DAI (LIVING)

(5) LE PHUC HAI (LIVING)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings

Anh chị em:

(1) LE PHUC HIEN (LIVING) 15451 KINZIE ST SEPULVEDA CA 91343

(2) LE THI CA (LIVING) 521/71 HOANG VAN THU / HO CHI MINH CITY

(3) LE PHUC AN (LIVING) VIETNAM (SAME ABOVE)

(4) LE THI PHUC THINH (LIVING) 1611 MAC ARTHUR #7 OKLAHOMA CI

(5) 73127 US

(6)

(7)

(8)

(9)

2. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : NONE

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: LÊ PHÚC ĐỨC

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ _____ Đến _____
21 SEPT 1968 30 APRIL 1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : 1st LIEUTENANT Serial Number: 67-208.304
Số thẻ nhân-viên: _____

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/số/Đoàn-Vi Binh-Chúng : RVNAF/GJS Hqs/ TRUNG TÂM HỒ SƠ CÁ NHÂN/KHÔI
KHIÊM DIỄN/ BỘ TỔNG THAM MƯU QLVNCH

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ-tên người giám-thị/Lưu-phụ
chỉ-huy : COLONEL NGUYỄN ĐỨC ĐỀ

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

DISSOLVING RVNAF

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ

NONE

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ
tại Việt-Nam

NONE

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

NONE

Date received:

Phân-thưởng hoặc giấy khen:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đường sự có không? Có ☐ Không ☐.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address:

Trường và địa-chỉ nhà trường:

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ:

To

Đến:

4. Description of Courses:

Mô-tả ngành học

5. Who paid for training?

Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện?

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐.
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐.)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo:

LÊ PHÚC ĐỨC

2. Time in Reeducation:

From:

25 JUNE 1975

To:

20 AUGUST 1977

Thời gian học-tập

Từ:

Đến:

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Không

NO

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

Signature

Ký tên:

LÊ PHÚC ĐỨC

Date

Ngày:

JULY 31 - 1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire.

Xin nêu ra tất-cả giấy-lờ kèm theo với số câu hỏi này

1. RELEASE CERTIFICATE OF MR. ĐỨC

1. MARRIAGE CERTIFICATE

1 (EACH PERSON) BIRTH CERTIFICATE (TOTAL 7 COPIES)

1 ID CARD PRE-1975 OF MR. ĐỨC

1 ID CARD PRE-1975 OF MRS. XUAN

BIRTH CERTIFICATE

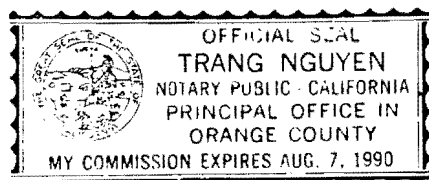
Child's name	TRAN THI XUAN
Sex	FEMALE
Date of birth	NOV. 26, 1950
Place of birth	TAY LOC HAMLET, HUE
Father's name	TRAN DUY THIEN
Age	26
Occupation	VIET TROOP UNIT OF CENTRAL VIET NAM
Residence	MINH HUONG, HOI AN TOWN, QUANG NAM CITY
Mother's name	HA THI THAO
Age	28
Occupation	COMMERCE
Residence	TAY LOC HAMLET, HUE
Wife's rank	2nd.
Applicant's name	TRAN DUY THIEN
Age	26
Occupation	MILITARY
Residence	MINH HUONG, HOI AN TOWN, QUANG NAM CITY
Date of application	----
Witness 1	PHAM TAN
Age	19
Occupation	MILITARY GUARD
Residence	SON CONG VILLAGE, PHU OC, HUONG TRA HAMLET, THUA THIEN CITY
Witness 2	VU DIEN
Age	28
Occupation	VIET TROOP UNIT OF CENTRAL VIET NAM
Residence	THACH GIANG, DA NANG, QUANG NAM CITY

ESTABLISHED AT TAY LOC HAMLET HUE ON DEC. 01, 1950

EXTRACT FROM THE ORIGINAL

CIVIL STATUS

SIGNED AND SEALED



I, declare that I am proficient in both English and Vietnamese and the above translation is to the best of my knowledge, a true and correct translation.

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME ON THIS
16th DAY OF May 19 90
Trang Nguyen NOTARY PUBLIC

Hum Pham

GIẤY KHAI SINH

Số hiệu 35

Họ tên người con mới sinh	TRẦN-THỊ-XUÂN
Quốc tịch	VIỆT-NAM
Con trai hay con gái	Con gái
Sinh ngày, tháng năm (viết toàn chữ)	Ngày hai mươi sáu tháng mười một năm một ngàn chín trăm năm mươi (26-11-1950)
Sinh tại (Xã, Quận, Tỉnh)	Sinh tại Phường Tây-lộc, Thành nội Huế
Họ và tên, quốc tịch, tuổi, nghề nghiệp sinh quán chánh quán và trú quán của người cha (nếu cha mẹ có giấy giá thú chánh đáng hoặc người cha nhận chính là con mình không thì khoản này để trống)	TRẦN-DUY-THIỆN hai mươi sáu tuổi, Việt-Binh-Đoàn Trung-phần Việt-Nam, từng ở tại Đại-đội III-Đoàn VII, số 2906, sinh và chánh quán làng Minh-hương, Thị xã Hội-an, tỉnh Quảng-nam.
Họ tên, quốc tịch, tuổi, nghề nghiệp, sinh quán, chánh quán, trú quán của người mẹ (nếu không biết người mẹ là ai thì để trống)	BÀ-THỊ-THẢO hai mươi tám tuổi, Việt-Nam, sinh và chánh quán tại Phường Tây-lộc, thành nội Huế.
Ngôi thứ của người mẹ (nếu mẹ có giá thú hợp pháp thì kê rõ: vợ chánh, vợ kế hay vợ thứ)	Vợ thứ hai
Họ tên, tuổi, nghề nghiệp, sinh quán, chánh quán và trú quán người (hay của những người) khác	TRẦN-DUY-THIỆN hai mươi sáu tuổi, Việt-Binh-Đoàn Trung-phần Việt-Nam, từng ở tại Đại-đội III-Đoàn VII số 2906, sinh và chánh quán làng Minh-hương, Thị xã Hội-an, tỉnh Quảng-nam.
Họ tên, tuổi, nghề nghiệp, sinh quán, chánh quán và trú quán của người chứng thứ nhất.	PHẠM-THỊ, một trăm tuổi, Công-Binh số 48, sinh và chánh quán làng Sơn-Công, tổng Phú-ốc, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên.

Họ tên, tuổi, nghề nghiệp, sanh quán
chánh quán và trú quán của người
làm chứng thứ nhì.

VŨ-DIỄN, hai mươi tám tuổi, Sinh
Binh-đoàn Trung-phần, hiện đang
sử tại Đại đội Chỉ-huy Tiểu-đoàn
VIII, số 8613, sanh và ở tại quán
làng Thạch-Giã, xã Thạch-Hoà, huyện Thạch-Hoà, tỉnh Quảng-Trị.

Giấy khai này làm tại Phường Tây-lộc, Thành phố Huế
ngày một tháng nhị
năm một ngàn chín trăm năm mươi

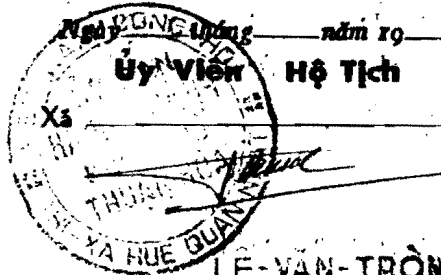
Người khai ký tên: Người làm chứng thứ nhất (1) ĐỖ-NGUYỄN ký tên: Người làm chứng thứ nhì (2) VŨ-DIỄN

Ủy Viên Hộ tịch

Xã Phường Tây-lộc

Ký tên: HỒ-NGUYỄN và đóng dấu

PHUNG TRÍCH LỤC



Thị xã Huế
năm 1950
QUẬN-TRƯỞNG QUẬN-NHẤT

Khoản trống để công nhận các chỗ sửa chữa trong tờ khai này

CHÚ Ý: Chỗ trống không dùng phải kéo một nét mực
(1) Người nào không biết ký tên thì phải in
dấu ngón tay vào và Ủy viên Hộ-tịch phải
chứng xác người ấy không biết ký tên.

Nhà in NAM-NGÀI Tam-Kỳ

BIRTH CERTIFICATE

No. 1135

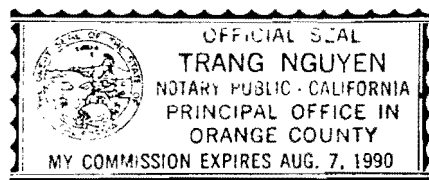
Child's name	LE THI TUONG VI (TWIN)
Sex	FEMALE
Date of birth	OCT. 05, 1974
Place of birth	TAM KY HAMLET, TAM KY DISTRICT, QUANG TIN CITY
Father's name	LE PHUC DUC
Age	29
Occupation	MILITARY
Residence	KBC 4032
Mother's name	TRAN THI XUAN
Age	25
Occupation	HOUSEWIFE
Residence	TAM KY HAMLET, TAM KY DISTRICT, QUANG TIN CITY
Wife's rank	1st.
Applicant's name	LE PHUC DUC
Age	29
Occupation	MILITARY
Residence	KBC 4032
Date of application	----
Witness 1	----
Age	----
Occupation	----
Residence	----
Witness 2	----
Age	----
Occupation	----
Residence	----

ESTABLISHED AT OCT. 10, 1974

EXTRACT FROM THE ORIGINAL

CIVIL STATUS

SIGNED AND SEALED



I, declare that I am proficient in both English and Vietnamese and the above translation is to the best of my knowledge, a true and correct translation.

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME ON THIS

16th DAY OF May 19 90
Trang Nguyen NOTARY PUBLIC

Pham

Chứng-Thư Khai-Sinh

Tên họ đứa trẻ Trần Thị Ngọc Vy (Số) 1135 trai hay gái gái
 Sinh ngày 05 tháng 10 (1974)
 năm một ngàn chín trăm bảy mươi 4 hồi 19 giờ 45
 Tại Xã Tam Kỳ Quận Tam Kỳ Tỉnh Quảng-Tĩnh
 Họ và tên cha đứa trẻ Trần Văn Khoa tuổi 35 nghề quản nhân
 Trú quán tại Đường 432
 Họ và tên mẹ đứa trẻ Trần Thị Ngọc Vy tuổi 25 nghề quản nhân
 Trú quán tại Đường 432
 chứng thư giá thú của cha mẹ đứa trẻ số 72
 Lập tại Tam Kỳ ngày 10 tháng 10 năm 1974
 Họ và tên cha đứa trẻ Trần Văn Khoa khai nhận
 đứa trẻ này là con tự sinh.

NGƯỜI KHAI:

Họ và tên Trần Văn Khoa tuổi 35 nghề quản nhân
 Trú quán tại Đường 432

CÁC NHÂN CHỨNG:

XÁC NHẬN:

Bà TRẦN-THỊ-NGUYỄN có
 Hai (02) đứa Con tên
 1. TRẦN-THỊ-NGUYỄN-VI
 2. TRẦN-THỊ-NGUYỄN-VU

Song (1) Trần Văn Khoa và tên Trần Thị Ngọc Vy tuổi 25 nghề quản nhân
 Trú quán tại Đường 432
 2- Họ và tên Trần Thị Ngọc Vy tuổi 25 nghề quản nhân
 Trú quán tại Đường 432

Ủy-Viên Hộ-Tịch
 XÃ PHÁT-TRIỂN TAM-KỲ
Tam Kỳ

PHAN-NGOC-CHÂN

Lập tại Tam Kỳ ngày 10 tháng 10 năm 1974
 Người khai, Trần Văn Khoa Hộ lại, Trần Thị Ngọc Vy Nhân chứng, Trần Văn Khoa

PHUNG-TRICH-LUC

Tam kỳ, ngày 10 tháng 10 năm 1974
 ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH XÃ PHÁT-TRIỂN TAM-KỲ

PHAN-NGOC-CHÂN



BIRTH CERTIFICATE

NO. 1136

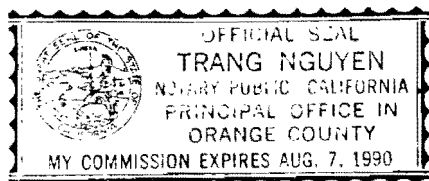
Child's name	LE THI TUONG VU (TWIN)
Sex	FEMALE
Date of birth	OCT. 05, 1974
Place of birth	TAM KY HAMLET, TAM KY DISTRICT, QUANG TIN CITY
Father's name	LE PHUC DUC
Age	29
Occupation	MILITARY
Residence	KBC 4032
Mother's name	TRAN THI XUAN
Age	25
Occupation	HOUSEWIFE
Residence	TAM KY HAMLET, TAM KY DISTRICT, QUANG TIN CITY
Wife's rank	1st.
Applicant's name	LE PHUC DUC
Age	29
Occupation	MILITARY
Residence	KBC 4032
Date of application	----
Witness 1	----
Age	----
Occupation	----
Residence	----
Witness 2	----
Age	----
Occupation	----
Residence	----

ESTABLISHED AT TAMKY ON OCT. 10, 1974

EXTRACT FROM THE ORIGINAL

CIVIL STATUS

SIGNED AND SEALED



I, declare that I am proficient in both English and Vietnamese and the above translation is to the best of my knowledge, a true and correct translation.

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME ON THIS

16th DAY OF May, 19 90
Trang Nguyen NOTARY PUBLIC

Lim Pham

Chứng-Thư Khai-Sinh

Tên họ đứa trẻ LE-THI-TUONG-VU (SS) trai hay gái Gái
 Sinh ngày 05 năm Mười (10) tháng 10
 năm một ngàn chín trăm bảy mươi Tu hồi 9 giờ 45 phút
 Tại Xã Tam Kỳ Quận Tam Kỳ Tỉnh Quảng-Tĩnh
 Họ và tên cha đứa trẻ LE-THUC-DUC tuổi 29 nghề Quan nhân
 Trú quán tại KTC 4032
 Họ và tên mẹ đứa trẻ TRAN-THI-XUAN tuổi 25 nghề Nồi trư
 Trú quán tại Xã Tam Kỳ, Quận Tam Kỳ, Tỉnh Quảng-Tĩnh
 chứng thư giá thú của cha mẹ đứa trẻ số 72
 Lập tại Tam Kỳ ngày 20 tháng 8 năm 1973
 Họ và tên cha đứa trẻ LE-THUC-DUC khai nhận
 đứa trẻ này là con tự sinh.

NGƯỜI KHAI:

Họ và tên LE-THUC-DUC tuổi 29 nghề Quan nhân
 Trú quán tại KTC 4032

XÁC-NHẬN:

Bà TRAN-THI-XUAN có Song sinh
 Hai (02) đứa con tên:

- 1.- LE-THI-TUONG-VI.
- 2.- LE-THI-TUONG-VU.

CÁC NHÂN CHỨNG:

1- Họ và tên Giấy chứng nhận số 989 B15 nghề do Quan đốc ben
 Trú quán tại Vườn Quảng-Tĩnh cấp ngày 05-10-1974
 2- Họ và tên // tuổi // nghề //
 Trú quán tại //

ỦY-VIÊN HỒ-SÍCH
 T. A. PH. T. TRI. T. A. M. X. Y.

PHAN-NGOC-CHÂN

Lập tại Tam Kỳ ngày 10 tháng 10 năm 1974
 Người khai, Hộ lại, Nhân chứng,

LE-THUC-DUC (kỵ Tên)

PHAN-NGOC-CHÂN

giấy chứng nhận số 989 B15
 do Quan đốc Bệnh viện cấp
 ngày 05-10-1974

PHUNG-TRICH-LUC

Tam Kỳ, ngày 10 tháng 10 năm 1974
 ỦY-VIÊN HỒ-SÍCH X. A. PH. T. TRI. T. A. M. X. Y.

PHAN-NGOC-CHÂN



PUBLIC COMMITTEE

▲ HAMLET : XUAN TAM
DISTRICT : XUAN LOC
CITY DONG NAI

REPUBLIC SOCIALISM OF VIET NAM
INDEPENDENCE - LIBERTY - HAPPINESS

BIRTH CERTIFICATE

No : R00738

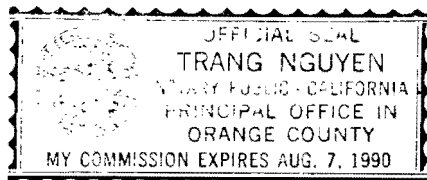
Book No : 01

Child's name	LE PHUC KHANH
Sex	MALE
Date of birth	OCT. 07, 1978
Place of birth	560 GROUP B, TOWN I, XUAN TAM HAMLET, XUAN LOC, DONG NAI CITY
Father's name	LE PHUC DUC
Age	APRIL 13, 1947
Race	DELTA
Nationality	VIET NAM
Occupation	FARMER
Residence	GROUP B, TOWN I, XUAN TAM HAMLET
Mother's name	TRAN THI XUAN
Age	DEC. 25, 1950
Race	DELTA
Nationality	VIET NAM
Occupation	FARMER
Residence	GROUP B, TOWN I, XUAN TAM HAMLET
Applicant's name	LE PHUC DUC
Age	1947
Residence	GROUP B, TOWN I, XUAN TAM HAMLET, XUAN LOC, DONG NAI
ID#	----

ESTABLISHED ON OCT. 13, 1978

FOR PUBLIC COMMITTEE

SIGNED AND SEALED



I, declare that I am proficient in both English and Vietnamese and the above translation is to the best of my knowledge, a true and correct translation.

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME ON THIS

16th DAY OF May 1970
Trang Nguyen NOTARY PUBLIC

Pham

XA, thị trấn: Kiến Tân.

Thị xã, quận: Kuân Bô

Thành phố, Tỉnh: Đông Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT2/P3

GIẤY KHAI SINH

Số K00738

Quyền số 01[illegible]

Họ và tên	Lê Phúc Khánh.		Nam, nữ <u>nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	Ngày bảy, tháng mười, năm một nghìn chín trăm bốn mươi tám. (07-10-1998)		
Nơi sinh	SN. 560 thôn B. xã I. xã Xuân Yên huyện Xuân Lộc. tỉnh Đồng Nai.		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Lê Phúc Đức 13-4-1947	Đoàn Thị Xuân 25-10-1950.	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam	
Nghề nghiệp	Đông cây lương thực	Đông cây lương thực.	
Nơi ĐKNK thường trú	thôn B. xã I. xã Xuân Yên.	thôn B. xã I. xã Xuân Yên.	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Lê Phúc Đức. 1947. thôn B. xã I. xã Xuân Yên. Xuân Lộc. Đồng Nai		



Đăng ký ngày 13 tháng 10 năm 1978.

TM/UBND Và Viết theo ký tên, đóng dấu

(ghi rõ họ, tên, chức vụ)



LE VĂN TÀI:

PUBLIC COMMITTEE

~~HAMLET~~ : XUAN TAM
~~DISTRICT~~ : XUAN LOC
CITY : DONG NAI

REPUBLIC SOCIALISM OF VIET NAM
INDEPENDENCE - LIBERTY - HAPPINESS

BIRTH CERTIFICATE

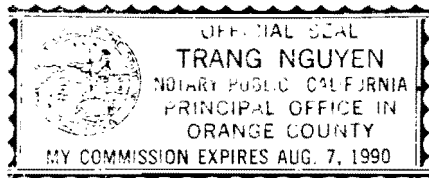
No : R01575
Book No : 01

Child's name	LE PHUC DAI
Sex	MALE
Date of birth	JULY 02, 1980
Place of birth	COMMUNITY 6, COMMITTEE OF MANAGEMENT 3, XUAN TAM, XUAN LOC, DONG NAI
Father's name	LE PHUC DUC
Age	1945
Race	DELTA
Nationality	VIET NAM
Occupation	FARMER
Residence	COMMUNITY 6, COMMITTEE OF MANAGEMENT 3, XUAN TAM, XUAN LOC, DONG NAI
Mother's name	TRAN THI XUAN
Age	1951
Race	DELTA
Nationality	VIET NAM
Occupation	FARMER
Residence	COMMUNITY 6, COMMITTEE OF MANAGEMENT 3, XUAN TAM, XUAN LOC, DONG NAI
Applicant's name	LE PHUC DUC
Age	1945
Residence	COMMUNITY 6, COMMITTEE OF MANAGEMENT 3, XUAN TAM, XUAN LOC, DONG NAI
ID#	----

ESTABLISHED ON AUG. 04, 1980

FOR PUBLIC COMMITTEE

SIGNED AND SEALED



I, declare that I am proficient in both English and Vietnamese and the above translation is to the best of my knowledge, a true and correct translation.

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME ON THIS

16th DAY OF May 19 90
Trang Nguyen NOTARY PUBLIC

Kim Pham

Số 201575
Quyền số 01

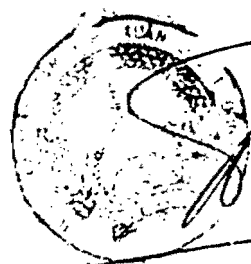
Họ và tên	Lê phúc Đại		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	hai tháng bảy năm một ngàn chín trăm tám mươi (02-07-1980).		
Nơi sinh	Cái Rễ tập đoàn 6 ban quản lý 3. Xuân Tâm Xuân Lộc Đồng Nai		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Lê phúc Đức 1945	Trần thị Xuân 1951	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam	
Nghề nghiệp	Trồng cây lương thực		
Nơi ĐKNK thường trú	tập đoàn 6 ban quản lý 3 Xuân Tâm Xuân Lộc Đồng Nai		
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Lê phúc Đức 1945 tập đoàn 6 ban quản lý 3 Xuân Tâm Xuân Lộc Đồng Nai		

Đăng ký ngày 04 tháng 08 năm 1980.

TM/UBND Xã Túc An ký tên, đóng dấu

(ghi rõ họ, tên, chức vụ)

pho'etru'tich



Dang Huu Cong

COMMITTEE
HAMLET : XUAN TAM
DISTRICT : XUAN LOC
CITY : DONG NAI

REPUBLIC SOCIALISM OF VIET NAM
INDEPENDENCE - LIBERTY - HAPPINESS

BIRTH CERTIFICATE

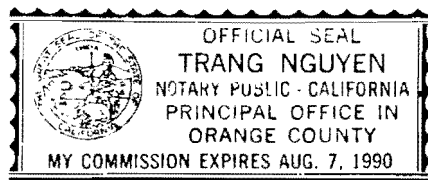
No : R00458
Book No : 02

Child's name	LE PHUC HAI
Sex	MALE
Date of birth	JULY 02, 1982
Place of birth	MATERNITY HOSPITAL, HO CHI MINH CITY
Father's name	LE PHUC DUC
Age	1947
Race	DELTA
Nationality	VIET NAM
Occupation	FARMER
Residence	COMMUNITY 6, COMMITTEE OF MANAGEMENT 3, XUAN TAM
Mother's name	TRAN THI XUAN
Age	1951
Race	DELTA
Nationality	VIET NAM
Occupation	FARMER
Residence	COMMUNITY 6, COMMITTEE OF MANAGEMENT 3, XUAN TAM
Applicant's name	LE PHUC DUC
Age	1947
Residence	COMMUNITY 6, COMMITTEE OF MANAGEMENT 3, XUAN TAM, XUAN LOC, DONG
ID#	----

ESTABLISHED ON AUG. 04, 1982

FOR PUBLIC COMMITTEE

SIGNED AND SEALED



I, declare that I am proficient in both English and Vietnamese and the above translation is to the best of my knowledge, a true and correct translation.

Him Pham

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME ON THIS

16th DAY OF May 19 90
Trang Nguyen NOTARY PUBLIC

M&U HT2/P3

Số 200457

Quyền số 02

Đã ký ngày 14 tháng 8 năm 1982

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)



6. Chỉ tiêu

Chaw Nye T



HEADQUARTERS OF MILITARY ZONE 7

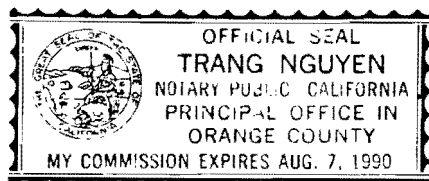
- Basing upon the clemency program of the Temporary Revolutionary Government of Republic Socialism of Viet Nam toward the officers, staff officers, soldiers of the former government .
- Basing upon the good spirit of reeducation ,who has shown repentance and effort to become an useful person

DECISION

- No. 1 Full name LE PHUC DUC Born on 1947
Occupation First Lieutenant Military No. 67/208304
Supervisor of the election poll at the General Supervision Office of the reeducation camp for former regime people at the P.O.Box No. 7590/L19-T6 , has to present himself at the security of Hamlet Group C, Town 1, Dong Tam Hamlet, Xuan Loc District , Dong Nai City
- No. 2 When go back home , he has to observe law and has to be under the probation surveillance of the Local Authorities or the Unit where he is living . The probation period is 6 months . After that if the Local Authorities or working unit certify that he has made a progress and with the consentment of the central authorities his citizenship will be reestablished .
- No. 3 The training office , and the bearer shall observe this decision .

On Aug. 15, 1977
Headquaters of Military Zone 7

Signed and Sealed



I declare that I am proficient in both English and Vietnamese and the above translation is to the best of my knowledge, a true and correct translation .

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME ON THIS

16th DAY OF May 19 90
Trang Nguyen NOTARY PUBLIC

Lim Pham

Số 174/QH

BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 7

- Thực hiện chính sách khoan hồng của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đối với sĩ quan, hạ sĩ quan thuộc chế độ cũ đang học tập ở các trại tập trung.
- Xét tình thân học tập trong quá trình cải huấn biết ăn năn hối cải và phấn đấu tốt.
- Xét đề nghị của đơn vị trực tiếp quản lý và hội đồng xét duyệt Quân khu thông qua. **Điều 5.**

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1— Cho **LÊ PHƯỚC ĐỨC** sinh **1947**
 Cấp **Trung úy** số lính **67/208304**
 Chức **Trưởng ban Hồ sơ phiếu Phòng Tổng quản trị Q/tín.**
 của chế độ cũ học tập tập trung tại hợp thư **7590/L19-T6**
 Phải đến trình diện Công an Phường (Xã), Quận (Huyện) địa phương nơi
 cư ngụ. **Khóm C - Ấp 1 - Xã Đồng tâm - Huyện Xuân lộc**
Tỉnh Đồng Nai.

Điều 2— Khi trở về địa phương hoặc các ngành, đơn vị nhận sử dụng phải chấp hành
 tốt mọi quy định về luật pháp và chịu sự quản chế của chính quyền cơ
 sở địa phương hoặc đơn vị nhận sử dụng. Thời gian quản chế **06** tháng,
 sau thời gian đó nếu được chính quyền địa phương hoặc cơ quan đơn vị
 xác nhận là tiểu bộ và được chính quyền nơi cư trú đồng ý thì sẽ được
 chính thức khôi phục quyền công dân.

Điều 3— Phòng quản huấn, Ban chỉ huy Trại quản huấn trực tiếp quản lý đối tượng
 và đương sự chiếu quyết định thi hành.

Sau ngày **20** / **8** / 1977**BỘ TƯ LỆNH ĐOÀN 500****Phó Chính ủy**Ngày **15** tháng **8** năm 1977**BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 7**

(đã ký)

Trung tá: Đỗ Huy Trường**Thiếu tướng: Đào Sơn Tây****GHI CHÚ :** Giấy này không có giá trị đi đường.

Trong thời gian quản chế việc qui
 định bao nhiêu ngày trình diện 1 lần
 do chính quyền địa phương-tỉnh Xã,
 Phường qui định

Republic Of Viet Nam

S U M A R Y

Justice Dept. Central Viet Nam
Court of Conciliation Dai Loc
On Mar. 25, 1957

Year of 1957 on 25th day of Mar. at 10.00AM
in front of us PHAM XUAN ANG Judge of the
Court of Conciliation Dai Loc, at our office
Court Clerk TRAN QUOC TAO assistance .

Affidavit in lieu of birth
certificate

No. 640

HAVE APPEARED :

- 1- DO PHUNG Age 36 Occupation Farmer
Residence Loc Phuoc, Dai Loc, Quang Nam
ID# A.000.513 issued on Sep. 27, 1955 at Loc Phuoc, Dai Loc, Quang Nam
- 2- LE PHUOC THANH Age 29 Occupation Teacher
Residence Loc Phuoc, Dai Loc, Quang Nam
ID# A.000.512 issued on Sep. 27, 1955 at Loc Phuoc, Dai Loc, Quang Nam
- 3- LE PHUOC XUAN Age 44 Occupation Farmer
Residence Loc Phuoc, Dai Loc, Quang Nam
ID# A.000.077 issued on Sep. 16, 1955 at Loc Phuoc, Dai Loc, Quang Nam

The above witnesses have declared and certify that they know :

LE PHUC DUC (Male) Nationality Viet Nam
Born on April 13, 1947 at Loc Phuoc, Dai Loc, Quang Nam
Is the child of Mr. LE PHUOC CAN and Mrs. TRAN THI NAM

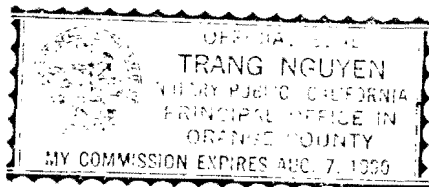
And the reason that an extract of birth certificate could not be done is due to the war.

EXTRACT FROM THE ORIGINAL

DAI LOC ON MAY 22, 1965

CIVIL STATUS

SIGNED AND SEALED



I declare that I am proficient in both
English and Vietnamese and the above
translation is to the best of my know-
ledge, a true and correct translation .

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME ON THIS

14th DAY OF May 19 90
Trang Nguyen NOTARY PUBLIC

Kim Pham

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
SỞ TƯ PHÁP TRUNG PHÂN

Năm một nghìn chín trăm Năm mươi bảy
Ngày hai mươi lăm tháng Ba Mười hồi giờ

TÒA HOA - GIẢI

Trước mặt chúng tôi là **PHAN XUAN ANG**

ĐẠI LỘC

Thẩm Phán Tòa Hòa Giải **Đại-lộc**

Ngày 25 tháng 3 năm 1957

ngồi tại văn phòng ở Tòa Hòa Giải **Đại-lộc**

CHỨNG CHỈ THAY GIẤY

Khởi sinh

có Lục sự **TRAN-QUỐC-TẢO**

giúp việc

Số 640 T.A

ĐÃ ĐẾN HẬU

Lê-Phước-Lý 73 tuổi nghề nghiệp nông

Chánh quán làng **Lộc-phước, Đại-lộc, Quảng-nam**

trụ quán làng **Lộc-phước, Đại-lộc, Quảng-nam**

Thẻ căn cước số **A.000.602** cấp ngày **30-09-1955**

do **Hành-chánh Lộc-hiệp** cấp

Thỉnh cần tòa án cấp một chứng chỉ **khởi-sinh cho cháu**

y sinh ngày **13-04-1947** tại **Quảng-đại**

Theo đơn xin đề lại Bản tòa **25-03-1957**

Dương sự có ba người nhân chứng sau đây để chứng theo lời khai của y

1 **ĐỖ-PHỤNG**, 36 tuổi chánh quán **Lộc-phước, Đại-Lộc, Quảng-nam**, nghề nông căn cước số **A.000.513** cấp ngày **27-09-1955** do **Hành-chánh Lộc-hiệp** cấp. Chánh quán **Lộc-phước, Đại-Lộc, Quảng-nam**.

2 **LÊ-PHƯỚC-THÀNH** 29 tuổi nghề giáo-viên, căn cước số **A.000.512** cấp ngày **27-09-1955** do **Hành-chánh Lộc-hiệp** cấp. Chánh-quán **Lộc-phước, Đại-Lộc, Quảng-nam**.

3 **LÊ-PHƯỚC-XUÂN**, 44 tuổi nghề nông căn cước số **A.000.077** cấp ngày **19-09-1955**, do **Hành-chánh Lộc-hiệp** cấp. Chánh-quán **Lộc-phước, Đại-lộc, Quảng-nam**.

Những nhân chứng này đã tuyên thệ và khai quả quyết biết tên

LÊ-PHƯỚC-ĐỨC, Quốc-tịch Việt-nam sinh ngày **(13-04-1947)** mười ba tháng tư năm một nghìn chín, trăm bốn mươi bảy, tại **Lộc-phước, Đại-lộc, Quảng-nam**, con trai ông **Lê-Phước-Cần** và bà **Trần-Thị-Nhàn** là vợ chánh thất.

và duyên có nhà y không thể xin sao lục khai-sinh
vì biến cố chiến tranh số hộ tịch thất lạc bản chính bị
phá hủy.

Mấy người chứng đã xát nhận như trên đây nên tôi phát giấy

chứng chỉ khai-sinh này cho LÊ-THỰC-ĐỨC

chiều theo các điều 47, 48 Hoàng Việt Hộ luật

và các người chứng ký tên với tôi là Lục sự sau khi đọc lại

LỤC SỰ

THAM PHÁN

(Ký tên không rõ và ấn dấu) (Ký tên không rõ và ấn dấu)

Những người chứng

Người đứng khai

1)-Đỗ-Thụng

Lê-Phước-Lý

2)-Lê-Phước-Thành

3)-Lê-Phước-Xuân

Miên lệ phí trước bạ và môn
năm chiếu theo điều 15 nghị-
định số 742-SG ngày 17-11-1957

THAM-PHÁN (ký tên)

Trước bạ tại Hội-an ngày
27-03-1957 quyền 15 tờ 34 số
914 thửa mien.

LỤC-SỰ (ký tên)

SAO Y BAN CHINH
tồn trữ tại văn-phòng
Sở Hoa-giải quận Đại-lộc

Đại-lộc, ngày 22 tháng 5 năm 1965

THAM PHÁN

REPUBLIC OF VIET NAM

CITY QUANG TIN
DISTRICT TAM KY
HAMLET TAM KY
No 72

EXTRACT COPY OF MARRIAGE CERTIFICATE

ESTABLISHED ON AUG. 20, 1973

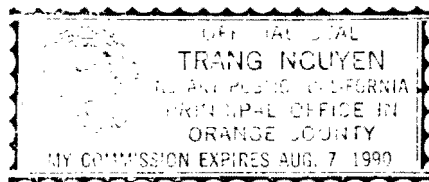
Husband's name	LE PHUC DUC
Occupation	----
Date of birth	APRIL 13, 1947
Place of birth	DAI LOC, QUANG NAM
Residence	----
Husband's father name	LE PHUOC CAN
Husband's mother name	TRAN THI NAM
Wife's name	TRAN THI XUAN
Occupation	----
Date of birth	NOV. 26, 1950
Place of birth	TAY LOC, HUE
Residence	----
Wife's father name	TRAN DUY THIEN
Wife's mother name	HA THI THAO
Date of marriage	AUG. 20, 1973

EXTRACT COPY FROM THE ORIGINAL

TAM KY ON FEB. 14, 1974

CIVIL STATUS

SIGNED AND SEALED



I, declare that I am proficient in both English and Vietnamese and the above translation is to the best of my knowledge, a true and correct translation.

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME ON THIS

16th DAY OF May 19 90
Trang Nguyen NOTARY PUBLIC

Pham

VIỆT NAM CỘNG HÒA

TỈNH Quảng-Tân

QUẬN Tam-Kỳ

XÃ (Phường) Tam-Kỳ

Số hiệu 72

Trích lục chứng-thư hôn-thú

Lập ngày 20 tháng 08 năm 1973

Tên họ chồng	LE-THÚC-DỨC
Ngày và nơi sinh	ngày mười ba, tháng tư, năm một ngàn chín trăm bốn mươi bảy (13-04-1947) Đại-Loc, Q.Nam
Tên họ cha chồng	LE-THÚC-CÂN
Tên họ mẹ chồng	TRẦN-THỊ-TRAM
Tên họ vợ	TRẦN-THỊ-XUÂN
Ngày và nơi sinh	Ngày hai mươi sáu, tháng mười một, năm một ngàn chín trăm năm mươi (26-11-1955) Tây-Loc, Thành Nội HCM.
Tên họ cha vợ	TRẦN-DUY-THIỆN
Tên họ mẹ vợ	ĐÀ-THỊ-THẢO
Ngày lập hôn thú	20 tháng 08 năm 1973
Có lập hôn thú không	/

Trích lục bản chính
Tam-Kỳ ngày 07 tháng 02 năm 1974
SỞ QUẢN LÝ HỘ TỊCH
TAM KỲ
NGUYỄN CÔNG TRẠO

D. J. GENERAL SERVICES

WESTMINSTER, CA 92683

FIRST CLASS

MAY 22 1990

FIRST CLASS



HOI GIADINH TU NHAN CHINH TRI VN
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL
PRISONERS ASSOCIATION
P.O. Box 5435
Arlington, VA 22205-0635